

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HS-ST

Ngày: 29-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trọng Hàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1./ Bà Lê Thị Nhung - Trưởng phòng giáo dục và đào tạo huyện Đ.

2./ Ông Hà Quốc Mạnh - Phó bí thư huyện đoàn Đ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2021/TLST- HS ngày 01 tháng 10 năm 2021; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

A B; sinh ngày 29/02/2004, tại tỉnh Kon Tum; NĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Rơ Ngao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A D, sinh năm 1969 và bà Y M, sinh năm 1972. Bị cáo chưa có vợ con. Bị cáo là con thứ 05 trong gia đình có 06 anh, chị, em ruột. Tiền án; Tiền sự: không.

Bị cáo đang được tại ngoại đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo A B: Ông A D, sinh năm 1969 và bà Y M, sinh năm 1972

Cùng trú tại: Thôn K, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. (Là bố mẹ đẻ của bị cáo A B) (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo A B: Bà Đặng Thị Kim N – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Định, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Ổ, sinh năm 1978

Cùng trú tại: Thôn 4, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Ông Nguyễn Định ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ổ tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2021). (Có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Y Q, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn K, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Cháu A K, sinh ngày 03/8/2007

Địa chỉ: Thôn K, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu A K: Ông A J, sinh năm 1971 và bà Y Đ, sinh năm 1975.

Cùng trú tại: Thôn K, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. (Là bố mẹ đẻ của cháu A K) (ông A J có mặt; bà Y Đ vắng mặt).

Người phiên dịch: Anh A Q, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn K, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15h00 phút ngày 20/5/2021, A B (*Sinh ngày: 29/02/2004; trú tại: Thôn K, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum*) đi bộ từ nhà tại thôn K, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum đến chòi rẫy thuộc thôn 5, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum nhằm mục đích tìm kiếm xe mô tô để trộm cắp. Tại đây, A B nhìn thấy 01 (*Một*) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, màu xanh – đen – bạc, biển kiểm soát: 82H1-023.64, đã cũ của chị Nguyễn Thị Ó (*Sinh năm: 1978, trú tại: thôn 4, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum*) đang để trong chòi rẫy của gia đình chị Ó. Quan sát xung quanh không có người trông coi, A B lén lút đi vào trong chòi rẫy dắt chiếc xe mô tô ra ngoài. Do không có dụng cụ để mở khóa xe mô tô nên A B đã dắt chiếc xe mô tô giấu kín trong một rẫy cà phê cách chòi rẫy khoảng 50m. Sau đó, A B đi bộ về nhà. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 21/5/2021, A B gặp A K (*Sinh ngày: 03/8/2007, trú tại: thôn K, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum*) tại nhà thờ thôn K, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum thì A B nói với A K: “Mày chở tao lên kia”, A K trả lời: “Đi đâu”, A B nói: “Cứ đi đi” A K đồng ý và điều khiển xe mô tô hãng YAMAHA, loại SIRUS, màu trắng đen, biển kiểm soát: 82H1-023.53 của chị Y Q (*Sinh ngày: 04/7/1993, trú tại: thôn K, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, là chị ruột của A K*) chở A B đi. Sau đó, A B chỉ đường cho A K đi tới vị trí đã giấu chiếc xe mô tô mà A B đã trộm cắp được vào ngày 20/5/2021. Khi đến nơi, A B xuống xe rồi đi vào rẫy cà phê dắt chiếc xe mô tô đã lấy trộm ra. Thấy vậy, A K hỏi A B: “Xe ai đây”, A B trả lời: “Xe người Kinh, đừng nói ai biết nhá”. Nghe vậy, A K hiểu được là A B đã lấy trộm chiếc xe mô tô trên của người Kinh. Sau đó, A B nói A K đi về trước thì A K điều khiển xe mô tô đi về nhà và trả xe cho chị Y Q. Còn A B ở lại sử dụng 01 (*Một*) chìa khóa xe mô tô đã cũ, có biểu tượng Honda, ký hiệu A88 mở ổ khóa điện xe mô tô đã trộm cắp được, nổ máy điều khiển xe mô tô đi về thôn K, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Sau khi trộm cắp được xe mô tô A B sử dụng để làm phương tiện đi lại trong thôn. Đến ngày 23/5/2021, A B sử dụng 01 (*Một*) tua vít tự chế bằng kim loại, có một đầu dẹp và một đầu còn lại được hàn gắn với một ống kim loại rỗng để tháo gỡ bộ yếm trước, mặt nạ phía trước và biển kiểm soát xe mô tô đã trộm cắp được. Sau đó, A B đem các bộ phận đã tháo gỡ ở trên giấu phía sau nhà mình. Sau khi thay đổi đặc điểm xe mô tô trên A B sử dụng chiếc xe mô tô đã trộm cắp được làm phương tiện đi lại trong thôn K.

Đến khoảng 19 giờ 00 ngày 29/5/2021, ông A D phát hiện chiếc xe mô tô mà A B đã sử dụng trước đó để tại phía sau nhà ông. Nghi ngờ A B đã lấy trộm chiếc xe mô tô trên nên ông đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 29/5/2021, chị Ổ làm đơn trình báo vụ việc trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 10/6/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: Xe mô tô BKS 82H1-023.64; nhãn hiệu HONDA, loại xe WaVe, màu sơn: Xanh-Đen-Bạc, giá trị của tài sản là **4.340.000đ** (Bốn triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKSĐH ngày 26 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo A B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu lời luận tội đối với bị cáo A B. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 100 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo A B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo A B mức án từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Đề nghị hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo A B.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) chìa khóa xe mô tô đã cũ, có biểu tượng HONDA, ký hiệu A88.
- 01 (một) tua vít tự chế bằng kim loại, đầu dẹp gồm một đoạn kim loại hàn gắn với một ống kim loại rỗng, đoạn kim loại dài 16cm hàn vuông góc với ống kim loại rỗng dài 07cm, đã cũ.

Ngoài ra, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo A B thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo A B không có ý kiến bào chữa và tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Đại diện hợp pháp của bị cáo A B: Ông A D là bố đẻ của bị cáo cho rằng một phần trách nhiệm của gia đình thiếu sự quan tâm đến con cái, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A B.

Người bào chữa cho bị cáo A B bà Đặng Thị Kim N cho rằng: Bị cáo A B là người chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo vốn là người đồng bào dân tộc thiểu số (người đồng bào dân tộc Rơ Ngao); trình độ học vấn thấp 04/12. Khi phạm tội bị cáo mới 17 tuổi 02 tháng 19 ngày là người chưa thành niên, nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Bản thân bị cáo một phần do thiếu sự quan tâm quản lý của gia đình. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A B đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn chiếc xe mô tô đã trả lại cho bị hại. Bản thân bị cáo A B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị hại ông Nguyễn Đình và bà Nguyễn Thị Ó không có yêu cầu bồi thường gì về trách nhiệm dân sự và xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Áp dụng Điều 90; 91, Điều 100 đối với bị cáo A B xử mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị.

Bị hại bà Nguyễn Thị Ó không có ý kiến hay tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:*

Tại phiên tòa, bị cáo A B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo là phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội thể hiện;

Vì muốn có phương tiện đi lại nhưng không muốn đi làm để kiếm tiền mua xe, nên bị cáo A B đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Vào khoảng 15 giờ ngày 20/5/2021 bị cáo A B trong lúc đi tìm xe để trộm cắp khi đi bộ qua chòi rẫy của bà Nguyễn Thị Ó tại thôn 5, xã Đắk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Bị cáo A B thấy chiếc xe mô tô của chị Ó dựng tại đó không có người trong coi nên đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe của chị Nguyễn Thị Ó đem đi cất giấu sau đó sử dụng 01 (Một) chìa khóa xe mô tô đã cũ, có biểu tượng Honda, ký hiệu A88 mở ổ khóa điện xe mô tô, nổ máy điều khiển xe mô tô đi về thôn K. Để tránh bị phát hiện bị cáo đã dùng 01 (Một) tua vít tự chế bằng kim loại, tháo gỡ bộ yếm trước, mặt nạ phía trước và biển kiểm soát xe mô tô đem giấu phía sau nhà mình. Sau khi thay đổi đặc điểm xe mô tô trên A B sử dụng chiếc xe mô tô đã

trộm cắp được làm phương tiện đi lại trong thôn K với mục đích trộm cắp để làm phương tiện đi lại. Theo bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 10/6/2021 chiếc xe mô tô A B trộm cắp có giá trị **4.340.000đ** (*Bốn triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn*).

Hành vi đó của bị cáo A B đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại thời điểm thực hiện hành vi tội phạm, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện với lỗi cố ý.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo gây nguy hại cho xã hội, tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác cụ thể là chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, màu xanh – đen – bạc, biển kiểm soát: 82H1-023.64 của bà Nguyễn Thị Ó. Hành vi đó đã gây xôn xao bất bình trong dư luận quần chúng, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự chính trị tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về nhân thân, và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Xét nhân thân của bị cáo A B là người chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo vốn là người đồng bào dân tộc thiểu số (người đồng bào dân tộc Rơ Ngao); trình độ học văn thấp 04/12. Khi phạm tội bị cáo mới 17 tuổi 02 tháng 19 ngày là người chưa thành niên, nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Bản thân bị cáo một phần do thiếu sự quan tâm quản lý của gia đình nên hay bỏ nhà đi lang thang. Do đó, quá trình giải quyết vụ án cần xem xét áp dụng hình phạt phù hợp đối với người chưa thành niên phạm tội nhằm mục đích giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người biết tôn trọng pháp luật, sống có ích cho xã hội. Mặt khác, để răn đe và phòng ngừa chung.

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo A B đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn, chiếc xe mô tô mà bị cáo trộm cắp đã được gia đình giao lại cho cơ quan công an điều tra, quá trình điều tra cơ quan điều tra cũng đã trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị Ó và ông Nguyễn Đình quản lý và sử dụng. Bản thân bị cáo A B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị hại ông Nguyễn Đình và bà Nguyễn Thị Ó không có yêu cầu bồi thường gì về phần trách nhiệm dân sự và xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Qua phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát quản lý, giáo dục bị cáo cũng đủ sức răn đe, cải tạo bị cáo trở thành người biết tôn trọng pháp luật.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo là người chưa thành niên chưa có thu nhập đang sống phụ thuộc vào gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo A B theo khoản 6 Điều 91 Bộ luật hình sự.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra bà Nguyễn Thị Ó đã được cơ quan điều tra giao trả lại xe mô tô. Ngày 20/8/2021, chị Nguyễn Thị Ó có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không yêu cầu bồi thường vấn đề dân sự đối với bị cáo A B. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Ó vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu bị cáo A B phải bồi thường về trách nhiệm dân sự nên hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[7] *Về vật chứng của vụ án*: Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ đã tiến hành thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại Wave, màu sơn Xanh-Đen-Bạc, không có yếm phía trước, không có biển kiểm soát, số khung: 128370, số máy: 2928390, đã qua sử dụng.

- 01 (một) biển kiểm soát xe mô tô 82H1-023.64, màu trắng.
- 01 (một) mặt nạ trước xe mô tô, màu xanh.
- 02 (hai) yếm trước xe mô tô dán mác HONDA, màu xanh bạc;
- 01 (một) chìa khóa xe mô tô đã cũ, có biểu tượng HONDA, ký hiệu A88.
- 01 (một) tua vít tự chế bằng kim loại, đầu đẹp gồm một đoạn kim loại hàn gắn với một ống kim loại rỗng, đoạn kim loại dài 16cm hàn vuông góc với ống kim loại rỗng dài 07cm, đã cũ.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, màu xanh – đen – bạc, biển kiểm soát: 82H1-023.64, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên chủ xe Nguyễn Đình (Sinh năm: 1973, trú tại: thôn 4, xã Đăk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, là chồng chị Ó) là tài sản chung của vợ chồng, được vợ chồng anh Đình, chị Ó mua vào năm 2011 với giá 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng chẵn).

Đối với các đồ vật gồm: 01 (Một) biển kiểm soát xe mô tô 82H1-023.64, màu trắng; 01 (Một) mặt nạ trước xe mô tô, màu xanh; 02 (Hai) yếm trước xe mô tô dán mác Honda, màu xanh bạc. Qua điều tra xác định những đồ vật trên là các bộ phận của xe mô tô biển kiểm soát 82H1-023.64 do bị cáo A B tháo ra vào ngày 23/5/2021.

Ngày 05/7/2021, chị Nguyễn Thị Ó viết đơn xin nhận lại tài sản đối với chiếc xe mô tô trên. Ngày 06/7/2021 và ngày 22/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho người quản lý hợp pháp là chị Nguyễn Thị Ó chiếc xe mô tô và phụ tùng xe 82H1-02364 để tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 (Một) chìa khóa xe mô tô đã cũ, có biểu tượng Honda, ký hiệu A88 và 01 (Một) tua vít tự chế bằng kim loại, đầu dẹp gồm một đoạn kim loại hàn gắn với một ống kim loại rỗng, đoạn kim loại dài 16cm hàn vuông góc với ống kim loại rỗng dài 07cm, đã cũ. Qua điều tra xác định đây là đồ vật, công cụ của bị cáo A B đã sử dụng để mở ổ khóa và tháo gỡ các bộ phận của xe mô tô biển kiểm soát 82H1-023.64 mà bị cáo A B đã trộm cắp. Xét đây là công cụ dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với A K sinh năm 2007 là người biết được A B có hành vi trộm cắp tài sản của người khác tuy nhiên vì hành vi phạm tội của A B bị khởi tố, điều tra theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự A K không thuộc trường hợp bị xem xét xử lý về hành vi không tố giác tội phạm. Cơ quan điều tra không xử lý gì đối với A K là đúng quy định của pháp luật.

Đối với ông A D: Quá trình A B trộm cắp chiếc xe mô tô và sử dụng làm phương tiện đi lại thì ông A D hoàn toàn không biết, do vậy Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm đối với ông A D là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô hãng YAMAHA, loại SIRUS, màu trắng đen, biển kiểm soát: 82H1-023.53 mà A K sử dụng để chở A B đi đến rẫy cà phê nơi đã giấu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 82H1 – 023.64. Qua làm việc với chị Y Q là chủ sở hữu chiếc xe mô tô trên xác định: Vào ngày 20/5/2021, A K đã tự ý lấy xe mô tô của chị Y Q để làm phương tiện chở A B, việc A K đi đâu, làm gì chị Y Q hoàn toàn không biết. Do đó, Cơ quan điều tra không thu hồi, tạm giữ chiếc xe trên. Đồng thời, không xem xét trách nhiệm đối với chị Y Q.

[9] Về án phí: Bị cáo A B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bị cáo là người chưa thành niên nên ông A D và bà Y M có trách nhiệm nộp thay cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 36; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Khoản 6 Điều 91; Điều 100 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo A B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo A B 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân xã Đắk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đắk M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt. Giao gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) chìa khóa xe mô tô đã cũ, có biểu tượng HONDA, ký hiệu A88.
- 01 (một) tua vít tự chế bằng kim loại, đầu dẹp gồm một đoạn kim loại hàn gắn với một ống kim loại rỗng, đoạn kim loại dài 16cm hàn vuông góc với ống kim loại rỗng dài 07cm, đã cũ.

(Các vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/9/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo A B phải chịu 200.000 đ *(hai trăm ngàn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm. Do bị cáo là người chưa thành niên nên ông A D và bà Y M là cha mẹ của bị cáo có trách nhiệm nộp thay cho bị cáo.

Quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331; 332; 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (29/10/2021) bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Công an huyện Đắk Hà;
- Chi cục THA dân sự huyện Đắk Hà;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trọng Hàn